



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	3
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	4 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 35

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1400475345 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27 tháng 10 năm 2004 và đã thay đổi lần gần nhất là lần thứ 10 ngày 13 tháng 10 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ: 181-183 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Trà, Tỉnh Đồng Tháp (Địa chỉ cũ: 181 - 183, Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp)
- Điện thoại: 0277 3 877 012
- Fax: 0277 3 877 029
- Mã Chứng khoán: DOP hiện đang giao dịch trên sàn Upcom
- Mã số thuế: 1400475345

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển.

### **2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đinh Thiện Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Vương	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên
Ông Thái Văn Liêm	Thành viên
Ông Lê Hữu Từ	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đỗ Minh Tấn	Trưởng ban
Ông Phan Hoàng Ngọc Minh	Thành viên
Ông Mai An Mỹ	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Thuận	Phó Giám đốc

#### **Đại diện pháp luật**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Giám đốc

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,



Ông ĐINH THIÊN HIỀN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 03 năm 2026



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Số: 036/2026/BCKT-CT.00025

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 03 năm 2026, từ trang 4 đến trang 35 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**TRANG ĐẮC NHA**

**Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1

*Signature*

**LÂM HOÀI NHÂN**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5907-2023-009-1

Người được ủy quyền

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ**

Thành phố Cần Thơ, ngày 16 tháng 03 năm 2026

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>49.851.223.834</b>	<b>35.006.124.927</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>34.037.691.105</b>	<b>21.435.291.192</b>
Tiền	111		19.037.691.105	21.435.291.192
Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.795.876.090</b>	<b>4.356.435.098</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	2.470.343.234	3.037.123.562
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	28.250.000	31.095.237
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.365.536.856	1.489.833.299
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(68.254.000)	(201.617.000)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Hàng tồn kho	141		-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.017.656.639</b>	<b>9.214.398.637</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	508.445.069	512.308.025
Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.509.211.570	8.702.090.612
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>58.032.598.945</b>	<b>66.968.384.229</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>47.763.021.948</b>	<b>54.941.278.630</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	47.397.021.948	54.575.278.630
Nguyên giá	222		133.658.684.760	133.932.166.427
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.261.662.812)	(79.356.887.797)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	366.000.000	366.000.000
Nguyên giá	228		366.000.000	366.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.9	<b>8.610.002.464</b>	<b>8.698.726.352</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.805.976.460	15.805.976.460
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.195.973.996)	(7.107.250.108)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.659.574.533</b>	<b>3.328.379.247</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	1.659.574.533	3.328.379.247
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>107.883.822.779</b>	<b>101.974.509.156</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>20.525.511.456</b>	<b>18.206.137.297</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>18.938.919.456</b>	<b>16.005.481.297</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	2.060.314.592	1.739.886.223
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	7.450.524.441	4.142.930.498
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	2.453.268.831	3.235.131.423
Phải trả người lao động	314		5.011.403.216	3.996.871.309
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	35.289.212	96.737.350
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	1.061.998.757	570.264.552
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15.1	614.064.000	614.064.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.16	252.056.407	1.609.595.942
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.586.592.000</b>	<b>2.200.656.000</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15.2	1.586.592.000	2.200.656.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>87.358.311.323</b>	<b>83.768.371.859</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.17	<b>87.358.311.323</b>	<b>83.768.371.859</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.199.500.000	47.199.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.199.500.000	47.199.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.412.000	4.412.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		19.365.437.352	18.380.495.191
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		735.528.390	735.528.390
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.053.433.581	17.448.436.278
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.022.140.875	7.599.014.667
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.031.292.706	9.849.421.611
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>107.883.822.779</b>	<b>101.974.509.156</b>



**HUỲNH ANH THƯ**  
 Người lập biểu



**PHAN VIỆT TRUNG**  
 Kế toán trưởng



**NGUYỄN HOÀNG QUÂN**  
 Giám đốc  
 Đồng Tháp, ngày 16 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP  
 Địa chỉ: 181 - 183 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Trà, Tỉnh Đồng Tháp  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	84.078.854.374	81.096.617.456
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>84.078.854.374</b>	<b>81.096.617.456</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	26.164.673.819	23.609.669.804
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>57.914.180.555</b>	<b>57.486.947.652</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.960.383.234	2.513.560.459
Chi phí tài chính	22	6.4	280.367.184	137.899.160
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>189.124.555</i>	<i>76.649.052</i>
Chi phí bán hàng	25	6.5	38.106.188.170	34.708.486.166
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	9.466.691.400	10.162.800.405
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>13.021.317.035</b>	<b>14.991.322.380</b>
Thu nhập khác	31	6.7	327.222.222	1.833.333.333
Chi phí khác	32	6.8	-	3.876.124.959
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>327.222.222</b>	<b>(2.042.791.626)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>13.348.539.257</b>	<b>12.948.530.754</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.12	2.317.246.551	3.099.109.143
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>11.031.292.706</b>	<b>9.849.421.611</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	2.337	1.774



HUYỄN ANH THƯ  
 Người lập biểu



PHAN VIỆT TRUNG  
 Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG QUÂN  
 Giám đốc  
 Đồng Tháp, ngày 16 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP  
Địa chỉ: 181 - 183 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Trà, Tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>13.348.539.257</b>	<b>12.948.530.754</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		7.222.756.682	6.977.548.824
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(44.639.112)	61.250.108
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(160.542.843)	(683.641.345)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.713.391.075)	(3.663.252.447)
Chi phí lãi vay	06		189.124.555	76.649.052
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>17.841.847.464</b>	<b>15.717.084.946</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.113.198.950)	5.083.989.436
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.089.411.953	(609.640.994)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.672.667.670	1.184.314.586
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(189.124.555)	(76.649.052)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.099.109.143)	(2.823.586.505)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.151.524.444)	(1.347.700.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>16.050.969.995</b>	<b>17.127.812.417</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(44.500.000)	(6.577.546.510)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		327.222.222	1.833.333.333
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.386.168.853	1.829.919.114
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.668.891.075</b>	<b>(2.914.294.063)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP  
Địa chỉ: 181 - 183 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Trà, Tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	-	3.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(614.064.000)	(185.280.000)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.663.940.000)	(5.640.364.620)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6.278.004.000)</b>	<b>(2.825.644.620)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>12.441.857.070</b>	<b>11.387.873.734</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>21.435.291.192</b>	<b>9.363.776.113</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		160.542.843	683.641.345
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	5.1	<b>34.037.691.105</b>	<b>21.435.291.192</b>

HUỖNH ANH THƯ  
Người lập biểu

PHAN VIỆT TRUNG  
Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG QUÂN  
Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 03 năm 2026

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5103000024 (nay số mới là 1400475345) do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27 tháng 10 năm 2004 và đã thay đổi lần gần nhất là lần thứ 10 ngày 13 tháng 10 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 và 01/01/2025 là 47.199.500.000 VND tương đương với 4.719.950 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán UpCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DOP và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 12 tháng 10 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 181 – 183 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Trà, Tỉnh Đồng Tháp.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

#### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

#### 1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Công ty là 92 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 94 người).

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

---

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/ được ghi nhận theo mệnh giá.

### ***Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập vào ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí bảo hiểm*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng phân bổ không quá 36 tháng.

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 25
Phương tiện vận tải	10 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

### 4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

### **4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **4.11 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn**

Trong năm, Công ty trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định hiện hành:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương vào chi phí là: 17,5% và 8% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là: 3% và 1,5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là: 1% và 1% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là: 2%.

### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số tiền thực tế góp vốn của các cổ đông.

### **4.13 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

### 4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong năm, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 4.17 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 4.18 Công cụ tài chính

#### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- + Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- + Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Tên đối tượng</u>	<u>Quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Đồng Tháp	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà	Cùng tập đoàn
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	236.365.409	389.381.855
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)		
- VND	1.425.288.383	11.700.549.667
- USD	17.376.037.313	9.345.359.670
Các khoản tương đương tiền (**)	15.000.000.000	
	<b>34.037.691.105</b>	<b>21.435.291.192</b>

(\*) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
USD	666.150,17	17.376.037.313

(\*\*) Chi tiết số dư khoản tiền tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	31/12/2025 VND
Ngân hàng Vietinbank	3	4,75%	15.000.000.000
			<b>15.000.000.000</b>

#### 5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Nguyên tệ USD	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>			
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí Đồng Tháp		1.616.430.026	1.336.292.552
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Đồng Tháp		1.216.800	40.207.056
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>			
Petrolimex Singapore Pte Ltd	21.093,44	551.087.213	1.270.261.787
Các khách hàng khác		301.609.195	390.362.167
		<b>2.470.343.234</b>	<b>3.037.123.562</b>

#### 5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	8.250.000	11.000.000
Các nhà cung cấp khác	20.000.000	20.095.237
	<b>28.250.000</b>	<b>31.095.237</b>

#### 5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Phải thu về tạm ứng	2.258.613.500	-	1.398.133.050	-
Phải thu khác	106.923.356	-	91.700.249	-
	<b>2.365.536.856</b>	<b>-</b>	<b>1.489.833.299</b>	<b>-</b>

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn từ 3 năm trở lên</b>				
Ông Huỳnh Thanh Phương	13.860.000	-	13.860.000	-
Ông Lý Văn Danh	-	-	133.363.000	-
Ông Nguyễn Văn Lon	54.394.000	-	54.394.000	-
	<b>68.254.000</b>	<b>-</b>	<b>201.617.000</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Trả trước cho người bán VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025	(201.617.000)	-	(201.617.000)
Hoàn nhập dự phòng	133.363.000	-	133.363.000
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>(68.254.000)</b>	<b>-</b>	<b>(68.254.000)</b>

**5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

**5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí bảo hiểm	508.445.069	512.308.025
	<b>508.445.069</b>	<b>512.308.025</b>

**5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí sửa chữa tàu	1.659.574.533	3.328.379.247
	<b>1.659.574.533</b>	<b>3.328.379.247</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.7	Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định hữu hình			
	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Vào ngày 01/01/2025	2.215.883.025	131.716.283.402	-	133.932.166.427
Mua sắm trong năm	-	-	44.500.000	44.500.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(317.981.667)	-	(317.981.667)
Vào ngày 31/12/2025	2.215.883.025	131.398.301.735	44.500.000	<b>133.658.684.760</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Vào ngày 01/01/2025	1.406.766.573	77.950.121.224	-	79.356.887.797
Khấu hao trong năm	80.290.560	7.136.285.567	6.180.555	7.222.756.682
Thanh lý, nhượng bán	-	(317.981.667)	-	(317.981.667)
Vào ngày 31/12/2025	1.487.057.133	84.768.425.124	6.180.555	<b>86.261.662.812</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Vào ngày 01/01/2025	809.116.452	53.766.162.178	-	54.575.278.630
Vào ngày 31/12/2025	728.825.892	46.629.876.611	38.319.445	<b>47.397.021.948</b>
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
Vào ngày 01/01/2025	208.619.083	19.788.081.332	-	19.996.700.415
Vào ngày 31/12/2025	208.619.083	22.602.985.688	-	<b>22.811.604.771</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp cho các khoản vay:				
Vào ngày 01/01/2025	809.116.452	10.517.847.537	-	11.326.963.989
Vào ngày 31/12/2025	728.825.892	9.315.807.820	-	<b>10.044.633.712</b>
5.8	Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định vô hình			
			Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Vào ngày 01/01/2025			366.000.000	366.000.000
Vào ngày 31/12/2025			366.000.000	<b>366.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Vào ngày 01/01/2025			-	-
Vào ngày 31/12/2025			-	-
<b>Giá trị còn lại</b>				
Vào ngày 01/01/2025			366.000.000	366.000.000
Vào ngày 31/12/2025			366.000.000	<b>366.000.000</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp cho các khoản vay				
Vào ngày 01/01/2025			366.000.000	366.000.000
Vào ngày 31/12/2025			366.000.000	<b>366.000.000</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: 181 - 183 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Trà, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.9 Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí MeKong	7.046.000.000	(7.046.000.000)	(*)	7.046.000.000	(7.046.000.000)	(*)
Công ty Cổ phần BMC Đồng Tháp	2.626.576.460	-	(*)	2.626.576.460	-	(*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà	300.000.000	(149.973.996)	(*)	300.000.000	(61.250.108)	(*)
Công ty Cổ phần Global Tanker	5.833.400.000	-	(*)	5.833.400.000	-	(*)
	<b>15.805.976.460</b>	<b>(7.195.973.996)</b>		<b>15.805.976.460</b>	<b>(7.107.250.108)</b>	

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 01 tháng 01 năm 2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính, do không có giá niêm yết trên thị trường và chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý và sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí MeKong: Kinh doanh vận tải hàng hoá,... Công ty sở hữu 704.600 cổ phần, chiếm 7,58%/vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần BMC Đồng Tháp: Kinh doanh vận tải hàng hoá,... Công ty sở hữu 253.149 cổ phần, chiếm 14,06%/vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà: Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, tour du lịch,... Công ty sở hữu 30.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,64%/vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Global Tanker: Kinh doanh vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương,... Công ty sở hữu 1.533.110 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,38%/vốn điều lệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng thu hồi VND	Giá trị VND	Số có khả năng thu hồi VND
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>				
Công ty TNHH Thương mại Nam Khang	320.507.860	-	448.230.830	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thắng Lợi	1.618.255.249	-	821.387.640	-
Xí nghiệp Sơn Hải Âu	-	-	348.792.092	-
Công ty Bảo Việt Đồng Tháp	113.084.661	-	113.084.661	-
Các đối tượng khác	8.466.822	-	8.391.000	-
	<b>2.060.314.592</b>	<b>-</b>	<b>1.739.886.223</b>	<b>-</b>

**5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Nguyên tệ USD	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<i>Trả trước của các tổ chức, cá nhân khác</i>			
Công ty TNHH Thương Mại Xuất nhập khẩu Xăng dầu Savimex	182.376,63	4.067.597.411	3.117.093.699
Kho BVM Campuchia	139.380,09	3.322.718.938	1.005.306.267
Các khách hàng khác		60.208.092	20.530.532
		<b>7.450.524.441</b>	<b>4.142.930.498</b>

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2025	Số phát sinh trong năm		31/12/2025
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.099.109.143	2.317.246.551	(3.099.109.143)	2.317.246.551
Thuế thu nhập cá nhân	136.022.280	254.847.226	(254.847.226)	136.022.280
	<b>3.235.131.423</b>	<b>2.572.093.777</b>	<b>(3.353.956.369)</b>	<b>2.453.268.831</b>

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng theo từng lĩnh vực theo quy định thuế suất thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2025		Năm 2024	
	VND		VND	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.348.539.257		12.948.530.754	
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:				
- Các khoản điều chỉnh tăng	204.000.000		4.080.124.959	
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.966.306.500)		(1.533.110.000)	
Thu nhập chịu thuế	11.586.232.757		15.495.545.713	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp				
- Thuế suất phổ thông	20%		20%	
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp</b>	<b>2.317.246.551</b>		<b>3.099.109.143</b>	
<b>5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>31/12/2025</b>		<b>01/01/2025</b>	
	VND		VND	
Trích trước chi phí kinh doanh	35.289.212		96.737.350	
	<b>35.289.212</b>		<b>96.737.350</b>	
<b>5.14 Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2025</b>		<b>01/01/2025</b>	
	VND		VND	
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>				
Tiền thu hộ bảo hiểm hàng hóa phải trả	996.009.823		544.295.618	
Phải trả ngắn hạn khác	65.988.934		25.968.934	
	<b>1.061.998.757</b>		<b>570.264.552</b>	
<b>5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn</b>				
<b>5.15.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>				
	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>				
Vietcombank - Chi nhánh Đồng Tháp	614.064.000	614.064.000	614.064.000	614.064.000
	<b>614.064.000</b>	<b>614.064.000</b>	<b>614.064.000</b>	<b>614.064.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2025	Số tiền vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm VND	Kết Chuyển từ vay dài hạn VND	31/12/2025 VND
Vietcombank - Chi nhánh Đồng Tháp	614.064.000	-	(614.064.000)	614.064.000	614.064.000
	<b>614.064.000</b>	<b>-</b>	<b>(614.064.000)</b>	<b>614.064.000</b>	<b>614.064.000</b>

### 5.15.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Vietcombank - Chi nhánh Đồng Tháp (a)	1.586.592.000	1.586.592.000	2.200.656.000	2.200.656.000
	<b>1.586.592.000</b>	<b>1.586.592.000</b>	<b>2.200.656.000</b>	<b>2.200.656.000</b>

Chi tiết số dư vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Mục đích vay	Hạn mức vay VND	Kỳ hạn (năm)	Lãi suất (%/năm)	31/12/2025 VND	
Vietcombank - Chi nhánh Đồng Tháp (a)	Đầu tư đóng mới tàu dầu	5.000.000.000	5 năm từ ngày 26/06/2024	7,60%	1.586.592.000
				<b>1.586.592.000</b>	

(a) Đây là khoản vay tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng số 41/2024/VCB.ĐT-CRC được ký kết ngày 26 tháng 06 năm 2024 được thế chấp bằng các tài sản sau:

- Trụ sở làm việc, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 là 728.825.992. VND
- Tàu chở dầu Đồng Tháp 01 số đăng ký ĐT-25144, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 là 9.315.807.820 VND
- Thửa đất số 268, đường số 3 - KDC 43 căn, Phường Phú Mỹ, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là Trụ sở văn phòng công ty.
- Thửa đất số 291, đường số 3 - KDC 43 căn, Phường Phú Mỹ, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là Trụ sở văn phòng Công ty.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	01/01/2025 VND	Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả VND	31/12/2025 VND
Vay ngân hàng	2.200.656.000	(614.064.000)	1.586.592.000
	<b>2.200.656.000</b>	<b>(614.064.000)</b>	<b>1.586.592.000</b>

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn

	Tổng nợ VND	Từ dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>			
Vay ngân hàng	2.200.656.000	614.064.000	1.586.592.000
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>			
Vay ngân hàng	2.814.720.000	614.064.000	2.200.656.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: 181 - 183 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Trà, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

	01/01/2025	Trích quỹ trong năm	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>5.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>					
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.609.595.942	1.477.413.242	1.016.571.667	(3.851.524.444)	252.056.407
	<b>1.609.595.942</b>	<b>1.477.413.242</b>	<b>1.016.571.667</b>	<b>(3.851.524.444)</b>	<b>252.056.407</b>

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	47.199.500.000	4.412.000	17.136.280.553	735.528.390	16.673.491.262	81.749.212.205
Lãi trong năm	-	-	-	-	9.849.421.611	9.849.421.611
Trích lập các quỹ	-	-	1.244.214.638	-	(1.244.214.638)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.866.321.957)	(1.866.321.957)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.663.940.000)	(5.663.940.000)
Trích thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	<b>47.199.500.000</b>	<b>4.412.000</b>	<b>18.380.495.191</b>	<b>735.528.390</b>	<b>17.448.436.278</b>	<b>83.768.371.859</b>
Tại ngày 01/01/2025	47.199.500.000	4.412.000	18.380.495.191	735.528.390	17.448.436.278	83.768.371.859
Lãi trong năm	-	-	-	-	11.031.292.706	11.031.292.706
Trích lập các quỹ	-	-	984.942.161	-	(984.942.161)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.477.413.242)	(1.477.413.242)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.663.940.000)	(5.663.940.000)
Trích thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Tại ngày 31/12/2025	<b>47.199.500.000</b>	<b>4.412.000</b>	<b>19.365.437.352</b>	<b>735.528.390</b>	<b>20.053.433.581</b>	<b>87.358.311.323</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 47.199.500.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ bởi các cổ đông như sau:

Cổ đông	31/12/2025		01/01/2025	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	24.072.720.000	51,00%	24.072.720.000	51,00%
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Thành Lực	2.538.000.000	5,38%	2.538.000.000	5,38%
Cổ đông khác	20.588.780.000	43,62%	20.588.780.000	43,62%
	<b>47.199.500.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>47.199.500.000</b>	<b>100,00%</b>

### 5.17.3 Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.719.950	4.719.950
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.719.950	4.719.950
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	4.719.950	4.719.950
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.719.950	4.719.950
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	4.719.950	4.719.950

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/ cổ phiếu.

### 5.17.4 Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp số 01/2025/NQ-ĐHCĐ-DOP ngày 25 tháng 04 năm 2025, phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	VND
Chia cổ tức trong năm (12% Vốn điều lệ)	5.663.940.000
Trích lập các quỹ	2.462.355.403
Trong đó:	
Quỹ đầu tư phát triển (10% Lợi nhuận sau thuế)	984.942.161
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% Lợi nhuận sau thuế)	1.477.413.242
Trích thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành	300.000.000

	VND	VND
Xóa nợ phải thu Trạm Xăng Dầu Sa Đéc	178.056.600	178.056.600
<b>Ngoại tệ các loại</b>	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
Dollar Mỹ (USD)	666.150,17	369.638,45

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	84.078.854.374	81.096.617.456
	<b>84.078.854.374</b>	<b>81.096.617.456</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	26.164.673.819	23.609.669.804
	<b>26.164.673.819</b>	<b>23.609.669.804</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	419.862.353	296.809.114
Lãi cổ tức được chia	1.966.306.500	1.533.110.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	574.214.381	683.641.345
	<b>2.960.383.234</b>	<b>2.513.560.459</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	189.124.555	76.649.052
Dự phòng đầu tư	88.723.888	61.250.108
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.518.741	-
	<b>280.367.184</b>	<b>137.899.160</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	11.496.846.382	9.584.643.049
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.136.285.567	6.897.258.264
Chi phí sửa chữa tàu	6.092.460.003	6.473.065.967
Chi phí bán hàng khác	13.380.596.218	11.753.518.886
	<b>38.106.188.170</b>	<b>34.708.486.166</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.588.000.000	2.794.540.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.471.115	80.290.560
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(133.363.000)	-
Thuế, phí và lệ phí	1.030.614.701	945.614.536
Chi phí quản lý khác	5.894.968.584	6.342.355.309
	<b>9.466.691.400</b>	<b>10.162.800.405</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	327.222.222	1.833.333.333
<i>Thu từ thanh lý tài sản cố định</i>	327.222.222	1.833.333.333
<i>Chi phí thanh lý tài sản cố định</i>	-	-
	<b>327.222.222</b>	<b>1.833.333.333</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế Giá trị gia tăng không được khấu trừ	-	3.876.124.959
	<b>-</b>	<b>3.876.124.959</b>

## 6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.164.673.819	23.609.669.804
Chi phí nhân công	14.084.846.382	12.379.183.049
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.222.756.682	6.977.548.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.092.460.003	6.473.065.967
Chi phí khác	20.306.179.503	19.041.488.731
	<b>73.870.916.389</b>	<b>68.480.956.375</b>

## 6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.031.292.706	9.849.421.611
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông như sau:		
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(1.477.413.242)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.031.292.706	8.372.008.369
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	4.719.950	4.719.950
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>2.337</b>	<b>1.774</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính lại do loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp số 01/2025/NQ-ĐHCĐ-DOP ngày 25 tháng 04 năm 2025:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2024 trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Năm 2024 Sau điều chỉnh VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.087	(313)	1.774

## 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### 7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	3.000.000.000

### 7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	614.064.000	185.280.000

**8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

**i Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

### Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

### Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

## ii Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>			
Các khoản vay và nợ	614.064.000	1.586.592.000	2.200.656.000
Phải trả người bán	2.060.314.592	-	2.060.314.592
Phải trả khác và chi phí phải trả	1.097.131.035	-	1.097.131.035
	<b>3.771.509.627</b>	<b>1.586.592.000</b>	<b>5.358.101.627</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2025</b>			
Các khoản vay và nợ	614.064.000	2.200.656.000	2.814.720.000
Phải trả người bán	1.739.886.223	-	1.739.886.223
Phải trả khác và chi phí phải trả	666.844.968	-	666.844.968
	<b>3.020.795.191</b>	<b>2.200.656.000</b>	<b>5.221.451.191</b>

### Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố, thế chấp phương tiện vận tải, đất đai vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.7, 5.16.2).

## Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<b>Các khoản phải thu</b>				
<i>Phải thu khách hàng</i>	784.442.408	1.459.006.954	784.442.408	1.459.006.954
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	1.617.646.826	1.376.499.608	1.617.646.826	1.376.499.608
<i>Các khoản phải thu khác</i>	2.365.536.856	1.489.833.299	2.365.536.856	1.489.833.299
<b>Tài sản tài chính sẵn sàng để bán</b>				
<i>Đầu tư tài chính dài hạn</i>	8.610.002.464	8.698.726.352	8.610.002.464	8.698.726.352
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	34.037.691.105	21.435.291.192	34.037.691.105	21.435.291.192
	<b>47.415.319.659</b>	<b>34.459.357.405</b>	<b>47.415.319.659</b>	<b>34.459.357.405</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Vay và nợ</i>	2.200.656.000	2.814.720.000	2.200.656.000	2.814.720.000
<i>Phải trả người bán</i>	2.060.314.592	1.739.886.223	2.060.314.592	1.739.886.223
<i>Phải trả khác</i>	1.097.131.035	666.844.968	1.097.131.035	666.844.968
	<b>5.358.101.627</b>	<b>5.221.451.191</b>	<b>5.358.101.627</b>	<b>5.221.451.191</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 01 tháng 01 năm 2025. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chia cổ tức	209.562.000	210.033.600

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		Năm 2025	Năm 2024
Chức vụ		VND	VND
<b>Lương, thưởng</b>		<b>719.000.000</b>	<b>698.400.000</b>
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Giám đốc	467.000.000	518.400.000
Ông Nguyễn Quang Thuận	Phó Giám đốc	252.000.000	180.000.000
<b>Thù lao</b>		<b>348.000.000</b>	<b>381.400.000</b>
Ông Đinh Thiện Hiền	Chủ tịch	60.000.000	34.000.000
Ông Lê Hữu Từ	Thành viên	48.000.000	27.200.000
Bà Dương Thị Mai	Chủ tịch (Miễn nhiệm)	-	26.000.000
Ông Huỳnh Văn Thành	Thành viên (Miễn nhiệm)	-	20.800.000
Ông Nguyễn Đức Vượng	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Thái Văn Liêm	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Đặng Ngọc Phú Nhơn	Trưởng ban Kiểm soát (Miễn nhiệm)	-	62.000.000
Bà Phan Hoàng Ngọc Minh	Thành viên ban Kiểm soát	24.000.000	26.600.000
Mai An Mỹ	Thành viên ban Kiểm soát	24.000.000	13.600.000
Đỗ Minh Tấn	Trưởng ban Kiểm soát	48.000.000	27.200.000
		<b>1.067.000.000</b>	<b>1.079.800.000</b>

## 8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

### 8.2.1 Giao dịch và số dư với Công ty mẹ

Giao dịch với Công ty mẹ	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp</b>		
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	21.676.031.916	25.801.238.485
Trả cổ tức	2.888.726.400	2.888.726.400
Bồi thường hàng thiếu	1.789.764.070	1.658.542.810
Mua dầu nhớt	605.399.262	861.612.000
Công nợ với Công ty mẹ như sau:		
	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp</b>		
Phải thu khách hàng	1.616.430.026	1.336.292.552

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đồng Tháp  
Cung cấp dịch vụ vận chuyển  
Mua dầu nhớt

12.286.647.717

12.846.518.220

Công nợ với bên liên quan khác như sau:

31/12/2025  
VND

01/01/2025  
VND

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đồng Tháp  
Phải thu khách hàng

1.216.800

40.207.056

### 8.3 Thông tin về bộ phận

Hoạt động của Công ty được phân bổ ở trong nước và nước ngoài.

	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng VND
<b>Năm 2025</b>			
Doanh thu thuần	16.288.882.772	67.789.971.602	84.078.854.374
Giá vốn hàng bán	7.265.334.473	18.899.339.346	26.164.673.819
<b>Lãi gộp</b>	<b>9.023.548.299</b>	<b>48.890.632.256</b>	<b>57.914.180.555</b>
<b>Năm 2024</b>			
Doanh thu thuần	20.635.119.315	60.461.498.141	81.096.617.456
Giá vốn hàng bán	6.555.868.004	17.053.801.800	23.609.669.804
<b>Lãi gộp</b>	<b>14.079.251.311</b>	<b>43.407.696.341</b>	<b>57.486.947.652</b>

### 8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu công bố trong Báo cáo tài chính.

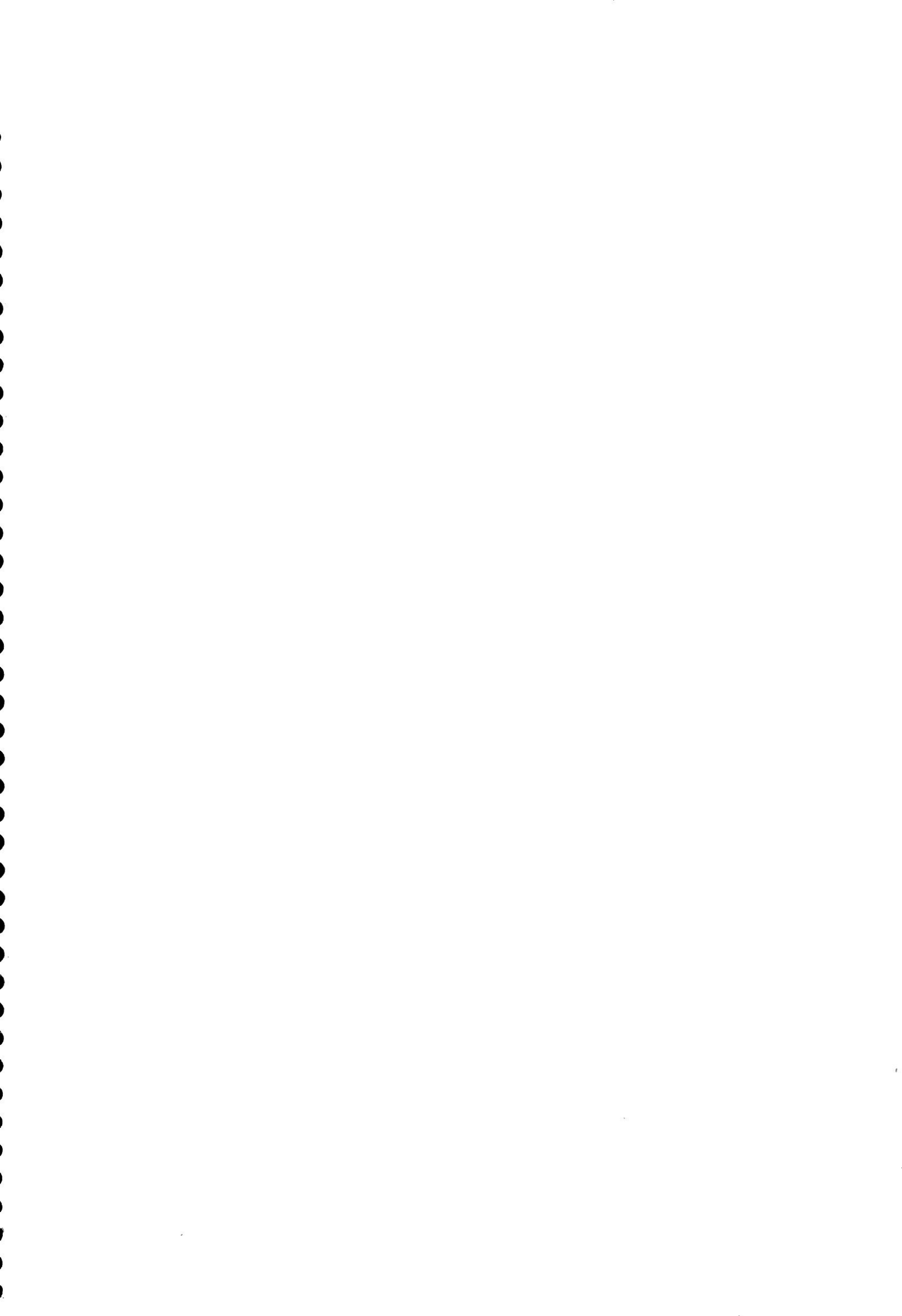
HUỲNH ANH THƯ  
Người lập biểu

PHAN VIỆT TRUNG  
Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG QUÂN  
Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 03 năm 2026



Ho Chi Minh City Head Office  
2/F Indochina Park Tower,  
No 4 Nguyen Dinh Chieu Street,  
Tan Dinh Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel : +84 28 2220 0237  
Fax : +84 28 2220 0265  
Email: pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn

Can Tho City branch  
A1-2B, Road 6, Cong An Residence,  
Thanh Loi Area, Hung Phu Ward,  
Can Tho City, Vietnam  
Tel : +84 29 2382 7888  
Fax : +84 29 2382 3209  
Email: pkf.afcct@pkf.afcvietnam.vn

Northern Branch  
Unit 1104, Sunrise Building  
90 Tran Thai Tong, Cau Giay Ward,  
Ha Noi City, Vietnam  
Tel : +84 24 3200 2016  
Fax : +84 24 3795 0832  
Email: pkf.afcmb@pkf.afcvietnam.vn

Ha Thanh branch  
5/F, No. 559 Kim Ma,  
Giang Vo Ward, Ha Noi City,  
Vietnam  
Tel : +84 24 3837 3666  
Fax : +84 24 3219 1538  
Email: pkf.afcht@pkf.afcvietnam.vn

[www.pkf.afcvietnam.vn](http://www.pkf.afcvietnam.vn)